

Số: 19 /QĐ-MNNB

Mường Thanh, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 01 đến tháng 05/2026 (Năm học 2025-2026)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NOONG BUA

Căn cứ vào Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường mầm non,

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (điều chỉnh bổ sung các loại hồ sơ quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định 116/2020/NĐ-CP, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ ban hành quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về Chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/QĐ – CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 134 /QĐ -UBND ngày 22/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I,II,III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động –TBXH, Bộ Tài chính về Quy định chính sách về giáo dục đối với trẻ Khuyết tật;

Căn cứ Công văn số 296/BDTTG-CS ngày 10/4/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại;

Căn cứ Công văn số 1320/BDTTG-VPQGDTMN ngày 18/7/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn trong triển khai Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;

Công văn số 2627/SGDĐT-KHTC ngày 30/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác kế hoạch và tài chính năm học 2025-2026;

Công văn số 2676/SGDĐT-KHTC ngày 15/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

Thực hiện công văn số 16/ CV-VHXXH ngày 01/02/2026 v/v rà soát bổ sung các chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh học kỳ 2. Năm học 2025-2026.

Căn cứ vào biên bản họp ngày 20/02/2026 của Hội đồng xét duyệt hồ sơ các đối tượng học sinh được hưởng chế độ chính sách. (Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2026). Năm học 2025-2026;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường;
Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 01 đến tháng 05/2026 (Năm học 2025-2026) (Có biểu tổng hợp và danh sách chi tiết kèm theo).

Tổng số học sinh và kinh phí cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ chi phí học tập:

- Tổng số học sinh: 0 học sinh.

- Tổng kinh phí: 0 đồng.

2. Miễn, giảm học phí:

- Tổng số học sinh: 177 học sinh.

- Tổng kinh phí: 258.125.000 đồng.

Tổng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, miễn, giảm học phí mục (1+2) là: 258.125.000 đồng

Số tiền bằng chữ: (Hai trăm năm mươi tám triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn).

Điều 2. Giao các phó hiệu trưởng phối hợp chỉ đạo, phối hợp với bộ phận kế toán, giáo viên các lớp học tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các phó Hiệu trưởng, kế toán, giáo viên, nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND phường, phòng VHXX (b/c)
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lý